

| Cấp độ<br>Chủ đề                                | Nhận biết                                                             |                     | Thông hiểu                                                                  |                        | Vận dụng                                              |                            | Cộng                     |
|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------|--------------------------|
|                                                 | TN                                                                    | TL                  | TN                                                                          | TL                     | Cấp độ thấp                                           | Cấp độ cao                 |                          |
| <b>1. Các lớp cá</b>                            | Biết được 1 số đặc điểm của các lớp cá                                |                     |                                                                             |                        |                                                       |                            |                          |
| Số câu<br>Số điểm<br>Tỉ lệ %                    | 1(C1)<br>0,5<br>5%                                                    |                     |                                                                             |                        |                                                       |                            | 1<br>0,5<br>5%           |
| <b>2. Lớp lưỡng cư</b>                          |                                                                       |                     | Phân biệt được 1 số đặc điểm cấu tạo ngoài của lưỡng cư với các lớp ĐV khác |                        |                                                       |                            |                          |
| Số câu<br>Số điểm<br>Tỉ lệ %                    |                                                                       |                     | 1(C4)<br>1,5<br>15%                                                         |                        |                                                       |                            | 1<br>1,5<br>15%          |
| <b>3. Lớp bò sát</b>                            | Biết được 1 số đặc điểm đời sống, cấu tạo của các bộ thuộc lớp bò sát |                     |                                                                             |                        |                                                       |                            |                          |
| Số câu<br>Số điểm<br>Tỉ lệ %                    |                                                                       | 1(C1)<br>1,5<br>15% |                                                                             |                        |                                                       |                            | 1<br>1,5<br>15%          |
| <b>4. Lớp Chim</b>                              | Biết được 1 số đặc điểm vai trò của lớp chim                          |                     |                                                                             |                        | Phân tích được 1 số đặc điểm đời sống của chim bồ câu |                            |                          |
| Số câu<br>Số điểm<br>Tỉ lệ %                    | 1(C2)<br>0,5<br>5%                                                    |                     |                                                                             |                        | 1(C2)<br>2,5<br>25%                                   |                            | 2<br>3,0<br>30%          |
| <b>4. Lớp Thú</b>                               | Biết được 1 số đại diện của các bộ                                    |                     | Phân biệt đặc điểm cơ thể của các bộ                                        |                        |                                                       | Liên hệ thực tiễn          |                          |
| Số câu<br>Số điểm<br>Tỉ lệ %                    | 1(C3)<br>0,5<br>5%                                                    |                     |                                                                             | 1/2(C3a)<br>2,0<br>20% |                                                       | 1/2(C3b)<br>1,0<br>10%     | 2<br>3,5<br>35%          |
| <b>Tổng số câu<br/>Tổng số điểm<br/>Tỉ lệ %</b> | <b>4<br/>3,0<br/>30%</b>                                              |                     | <b>3/2<br/>3,5<br/>35%</b>                                                  |                        | <b>1<br/>2,5<br/>25%</b>                              | <b>1/2<br/>1,0<br/>10%</b> | <b>7<br/>10<br/>100%</b> |

